

UBND TỈNH THANH HÓA  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THỦY LỢI BẮC SÔNG MÃ

Số: ~~1247~~ BSM-KH&QLTT

V/việc báo cáo kết quả làm thủy lợi mùa  
khô năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 22 tháng 11 năm 2024

Kính gửi: Giám đốc các Chi nhánh trực thuộc Công ty

Thực hiện Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 21/11/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao chỉ tiêu ra quân làm thủy lợi mùa khô và tổ chức Lễ phát động toàn dân ra quân làm thủy lợi mùa khô năm 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Để chủ động ứng phó với tình hình diễn biến phức tạp của thời tiết, chủ động trong công tác phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, khắc phục hậu quả do thiếu nước, khô hạn gây ra, đảm bảo an toàn cho công tác phục vụ sản xuất và tổng hợp số liệu báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT về kết quả thực hiện làm thủy lợi mùa khô năm 2024. Giám đốc Công ty TNHH MTV thủy lợi Bắc Sông Mã yêu cầu các Chi nhánh thực hiện một số nội dung sau:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện làm thủy lợi mùa khô, nạo vét kênh mương liên xã, khơi thông toàn bộ ách tắc trên các tuyến kênh theo kế hoạch được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt nhằm đảm bảo tưới, tiêu hiệu quả, tiết kiệm nước. Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Công ty trước ngày 05/01/2025 qua phòng Kế hoạch và quản lý tưới tiêu (gửi bản điện tử vào địa chỉ email: [phongkehoachbsm@gmail.com](mailto:phongkehoachbsm@gmail.com)).

(Có phụ lục kế hoạch chi tiết kèm theo)

2. Tham mưu cho huyện những vị trí xung yếu bị ách tắc cần nạo vét, khơi thông. Huy động 100% lực lượng lao động phối hợp với địa phương tổ chức ra quân, nạo vét, dọn cỏ, vớt bèo, giải phóng ách tắc hệ thống kênh nội đồng theo khối lượng của tỉnh giao.

3. Giao Chi nhánh thủy lợi Hà Trung phối hợp và tham mưu cho UBND huyện Hà Trung xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức Lễ phát động toàn dân ra quân làm thủy lợi mùa khô năm 2024-2025 trên địa bàn tỉnh (dự kiến thời gian tổ chức ngày 02/12/2024).

Yêu cầu Giám đốc các Chi nhánh nghiêm túc chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, Giám đốc Cty (b/c);
- Phó Giám đốc Công ty;
- Lưu VT, KH&QLTT.



Nguyễn Ngọc Tuấn



**KẾ HOẠCH LÀM THỦY LỢI MÙA KHÔ NĂM 2024**

(Phụ lục kèm theo công văn số: 1247/BSM - KH&QLTT ngày 22 / 11 /2024)

TT	Tên công trình	Kế hoạch thực hiện			
		Chiều dài (m)	Đất đào đắp (m3)		
			Tổng	Cơ giới	Thủ công
	<b>Phần Công ty thực hiện</b>	<b>86.559</b>	<b>26.578</b>	<b>24.570</b>	<b>2.008</b>
<b>I</b>	<b>CN Hoàng Hóa</b>	<b>4.839</b>	<b>4.777</b>	<b>4.300</b>	<b>477</b>
1	Kênh N3 (K4+800 - K5)	200	40		40,0
2	Kênh N13 (K1+400-K2+800)	1400	120		120,0
3	Kênh N22-9A (K0+400-K1)	600	60		60,0
4	Kênh N22-8 (K0+500-K1)	500	80		80,0
5	Kênh N21 (K1+600-K2+00)	600	30		30,0
6	Kênh N15 (K3+100-K3+300); (K4+800-K5+00)	400	40		40,0
7	Kênh N20 (K0+300-K0+500)	200	20		20,0
8	Kênh Nam (K20+043-K20+203)	271	70,0		70,0
9	Kênh dẫn, bể xả TB Nhân Trạch (K0-K0+460)	460	17		17,0
10	Kênh dẫn bể hút Hoàng Giang	78	2.600	2.600	
11	Kênh dẫn bể hút Trà Sơn	130	1.700	1.700	
<b>II</b>	<b>CN Thành Phố</b>	<b>6.215</b>	<b>2.220</b>	<b>2.220</b>	<b>0</b>
1	Kênh N12 đoạn K1+175- K1+840	665	0		
2	Kênh N14 đoạn K0+640- K1+440	800	0		
3	Kênh N16 đoạn K0+00- K1+500	1.500	0		
4	Kênh N22-8a đoạn K2+100- K4+230	2.130	0		
5	Kênh dẫn TB Hoàng Quang 1	500	0		
6	Kênh dẫn TB Hoàng Quang 2	500	0		
7	Bể hút + kênh dẫn trạm bơm H.Long	120	1.700	1.700	
8	Bể hút +kênh dẫn trạm bơm Nguyệt viên	60	350	350	
9	Bể hút + kênh dẫn trạm bơm Yên Vực	20	170	170	
<b>III</b>	<b>Phần Chi nhánh Hậu Lộc</b>	<b>23.404</b>	<b>8.821</b>	<b>8.700</b>	<b>121</b>
<b>1</b>	<b>Sông Trà Giang</b>	<b>800</b>			
	Thượng hạ lưu bể hút TB Thuận Lộc	200			
	Thượng hạ lưu bể hút TB Văn Lộc 2	200			
	Thượng hạ lưu bể hút TB Văn Lộc 1	200			
	Thượng hạ lưu bể hút TB Mỹ Lộc	200			
<b>2</b>	<b>Sông Áu</b>	<b>200</b>			
	Thượng hạ lưu bể hút TB Tam Liên	200			
<b>3</b>	<b>Kênh tiêu 10 xã</b>	<b>800</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	Thượng hạ lưu cống K2	400			
	Thượng hạ lưu cống Trắng	400			
<b>4</b>	<b>Kênh tiêu 5 xã</b>	<b>400</b>			
	Thượng hạ lưu TB Hòa Lộc2	200			
	Thượng hạ lưu Đập 5 cửa	200			
<b>5</b>	<b>Kênh Tân Cầu</b>	<b>200</b>			
	Thượng hạ lưu Cống Tân Cầu	200			
<b>6</b>	<b>Kênh chợ Dầu</b>	<b>400</b>			
	Thượng lưu Cống Nguyễn	400			
<b>7</b>	<b>Kênh B3</b>	<b>700</b>	<b>35</b>		<b>35</b>
	Đại Lộc từ K2+00-K3+300	500	5		5
	Phong Lộc	200	30		30
<b>8</b>	<b>Kênh TB Thiệu Xá</b>	<b>500</b>	<b>5</b>		<b>5</b>
	Cầu Lộc từ K1+500-K2+00	500			5

TT	Tên công trình	Kế hoạch thực hiện			
		Chiều dài (m)	Đất đào đắp (m3)		
			Tổng	Cơ giới	Thủ công
9	<b>Kênh Bắc</b>	<b>6.612</b>	<b>68</b>	<b>0</b>	<b>68</b>
	Xã Triệu Lộc từ K0+00-K1+300	1.300	2		2
	Xã Lộc Sơn từ K5+300- K6+600	1.400	5		5
	Thị Trấn từ K8+500-K11+500	3.000	3		3
	Xã Hoa Lộc từ K11+500-K12+412		0		
	Xã Hoa Lộc từ K11+500-K12+412	912	58		57,6
10	Kênh tưới TB Thịnh Lộc	1.400	3		3
11	Kênh tưới TB Thuận Lộc	1.100	5		5
12	Kênh tưới TB Yên Hoà	1.500	0		
13	Kênh tưới TB Thôn Hậu	1.000	5		5
14	Kênh tưới TB Cồn Phù	1.000	0		
15	<b>Kênh Dẫn và bể hút TB</b>	<b>6.792</b>	<b>8.700</b>	<b>8.700</b>	<b>0</b>
	Kênh dẫn TB Tuy Lộc	480			
	Kênh dẫn, bể hút TB Châu từ	30	1.000	1.000	
	Kênh dẫn, bể hút TB Châu Lộc	16	1.800	1.800	
	Kênh dẫn, bể hút TB Đại Lộc	34	1.500	1.500	
	Kênh dẫn, bể hút TB Thiêu Xá	26	1.200	1.200	
	Kênh dẫn, bể hút TB Phong Lộc	152	1.100	1.100	
	Kênh dẫn, bể hút TB Quang Lộc	38	900	900	
	Kênh dẫn, bể hút TB Liên Lộc2	6	200	200	
	Kênh dẫn cống Lộc Động	260	1.000	1.000	
	Kênh dẫn TB Liên Lộc 1	1.200	0		
	Kênh dẫn TB Thôn Hậu	550	0		
	Kênh dẫn TB Cồn Phù	1.000	0		
	Kênh dẫn TB Truyền 2	1000	0		
	Kênh dẫn Hoà Lộc 1	1000			
	Kênh dẫn Hoà Lộc 3	1000			
<b>IV</b>	<b>CN Hà Trung</b>	<b>31.121</b>	<b>9.875</b>	<b>9.350</b>	<b>525</b>
1	Kênh chính Công Phù (K0+00-K2+441)	2.441	30		30
2	Kênh chính Công Phù (K8+450-K12+227)	3.777	170		170
3	Kênh N14 Công Phù (K0+00 - K2+076)	2.076	25		25
4	Kênh N16 Công Phù (K0+00 - K2+037)	2.037	10		10
5	Kênh T3	2.500	0		
6	Kênh Chiều Bạch (K2+451-K6+168)	3.717	0		
7	Kênh chính Hà Long	5.000	120		120
8	Kênh chính Hà Phú (K0+000-K3+620)	3.620	100		100
9	Kênh N2 Hà Phú (K0+00-K1+272)	1.300	50		50
10	Kênh chính Vạn Đê (K0+00-K3+700)	3.700	20		20
11	Nạo vét bể hút TB Vạn Đê	28	450	450	
12	Nạo vét kênh dẫn từ sông vào TB Công Phù 2	224	5.000	5.000	
13	Nạo vét bể hút TB Công Phù I	33	350	350	
14	Nạo vét bể hút TB Chuế Cầu	50	400	400	
15	Nạo vét kênh dẫn và bể hút TB Hà Phú	68	2.500	2.500	
16	Nạo vét kênh dẫn và bể hút TB Cống Đá	50	300	300	
17	Nạo vét kênh dẫn và bể hút TB Tuấn Giang	500	350	350	
<b>V</b>	<b>CN Nga Sơn</b>	<b>5.440</b>	<b>852</b>	<b>0</b>	<b>852</b>
<b>1</b>	<b>Kênh Bắc Xa Loan</b>	<b>1550</b>	<b>392</b>	<b>0</b>	<b>392</b>
1.1	Đoạn K0+560 - K1+960 (cầu số 2 Nga Văn)	400	60		60
1.2	Đoạn K3+670 - K3+420 (điều tiết Dún)	50	30		30
1.3	Đoạn K7+950 - K8+640 (cống B8)	690	230		230
1.4	Đoạn K10+300 - K10+710 (Bưu điện Nga An)	410	72		72
<b>2</b>	<b>Kênh B5b</b>	<b>120</b>	<b>20</b>		<b>20</b>
2.1	Đoạn K0+230 - K0+350	120	20		20
<b>3</b>	<b>Kênh Nam Xa Loan</b>	<b>990</b>	<b>278</b>		<b>278</b>
3.1	Đoạn đầu mối K0+00-K0+50	50	30		30
3.2	Thượng hạ lưu cầu Mãn (K1+880-K1+950)	70	35		35

TT	Tên công trình	Kế hoạch thực hiện		
		Chiều dài (m)	Đất đào đắp (m3)	
			Tổng	Cơ giới
3.3	TB Đạc 1 đến cầu chợ Nga Nhân (K4+490-K5+101)	611	108	108
3.4	Đầu kênh 19 ( K6+205-K6+464)	259	105	105
<b>4</b>	<b>Kênh Vực Bà</b>	<b>220</b>	<b>77</b>	<b>77</b>
4.1	Đoạn từ bê xà tới kênh hộp (K0+00-K0+209)	210	65	65
4.2	Đoạn giáp ranh giữa kênh hộp và kênh tấm lát (K0+745-K0+755)	10	12	12
<b>5</b>	<b>Kênh N4</b>	<b>380</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
5.1	Đoạn K1+20-K1+400	380	20	20
<b>6</b>	<b>Kênh N6</b>	<b>300</b>	<b>20</b>	<b>20</b>
6.1	Đoạn K1+00 -K1+300	300	20	20
<b>7</b>	<b>Kênh N1</b>	<b>300</b>	<b>15</b>	<b>15</b>
7.1	Đoạn K0+250-K0+550	300	15	15
<b>8</b>	<b>Kênh B4</b>	<b>1580</b>	<b>30</b>	<b>30</b>
8.1	Đoạn K0+000 - K1+580	1580	30	30
<b>VI</b>	<b>CN Bim Sơn</b>	<b>15.540</b>	<b>33</b>	<b>33</b>
1	Kênh Đông	2.500	15	15
2	Kênh Tây	2.500	8	8
3	Kênh tưới T1( Kênh xây)	2.450	10	10
4	Kênh Thanh Niên	2.000		
5	Kênh tiêu T1( Kênh đất)	2.500		
6	Kênh T2	1.790		
7	Kênh T3	1.800		